

Số: /KH-UBND

Quảng Trung, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2023-2025, trên địa bàn xã Quảng Trung

Thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; Kế hoạch số 57/KH-UBND, ngày 02/3/2023 của UBND huyện Quảng Xương về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2023-2025, trên địa bàn huyện Quảng Xương, UBND xã Quảng Trung xây dựng kế hoạch triển khai như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

1.1. Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

1.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

2. Phát triển xã hội số

2.1. Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định vào mọi mặt đời sống, người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hóa số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Cơ chế, chính sách

Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác chuyển đổi số, đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi các văn bản, tạo hành lang pháp lý đồng bộ thống nhất về chuyển đổi số để triển khai, áp dụng tại huyện.

Đảm bảo cập nhật đầy đủ và tổ chức triển khai, thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số.

Tích hợp đa dạng các thông tin, các văn bản chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo xã trên Trang thông tin điện tử xã Quảng Trung để mọi cá nhân, tổ chức có thể khai thác thông tin thuận lợi.

1.2. Hạ tầng

Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng CNTT tại các cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung của Tỉnh; Đầu tư thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường mạng, phục vụ tốt cho hoạt động Chính quyền điện tử.

Tổ chức triển khai đồng bộ Chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số.

Phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân: Phối hợp với các đơn vị viễn thông đẩy nhanh chính trang, phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng 4G, 5G đến tất cả các thôn, tổ dân phố, cụm dân cư trên địa bàn huyện; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng 4G, 5G. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

Nâng cấp đường truyền và đầu tư hạ tầng, trang thiết bị CNTT đảm bảo vận hành, khai thác hiệu quả hệ

thống thống tin, tạo lập, xử lý, ký số điện tử trên môi trường mạng. Đảm bảo mỗi cán bộ công chức, viên chức đều có máy tính có cấu hình đảm bảo việc phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. *Nền tảng số*

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 78/KH- UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

1.4. *Dữ liệu số*

Phối hợp với các sở, ban ngành cấp tỉnh tổ chức triển khai phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, Giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, Văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch; Xây dựng phần mềm lưu trữ dữ liệu chung của huyện. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo quy định, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng và kết nối được với hệ thống dữ liệu dùng chung của Tỉnh.

1.5. *Nhân lực số*

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước trong việc phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu vận hành, khai thác, xử lý trên môi trường mạng.

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để người dân cập nhật kiến thức, kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ chuyển đổi số và bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường mạng.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức. Nhằm đảm bảo nguồn nhân lực về CNTT trong quá trình thực hiện các nội dung về chuyển đổi số.

1.6. *Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số*

Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh.

Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị thông minh để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

1.7. Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy

cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian mạng.

1.8. Doanh nghiệp số

Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

Phối hợp với các cơ quan, ban ngành cấp Tỉnh cung cấp các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

1.9. Thanh toán số

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ thanh toán điện tử trên địa bàn huyện.

1.10. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tổ chức các lớp tập huấn phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

Tăng cường công tác tuyên truyền để các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp (Lực lượng tại chỗ, Giám sát chuyên nghiệp, Độc lập kiểm tra, Kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia).

Thực hiện sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, đơn vị; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

Thực hiện dán nhãn tín nhiệm cho các Trang Thông tin điện tử xã, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

Tuyên truyền cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

2.1. Nông nghiệp và nông thôn

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng nông nghiệp số gắn liền với nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; phát động và thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ nông nghiệp tại xã;

- Hướng dẫn hợp tác xã và người nông dân tham gia tích cực trong việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên sàn giao dịch điện tử.

- Triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Tổ chức triển khai mô hình thôn, khu phố chuyên đổi số, cấp xã, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Hội nông dân xã tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sàn giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng....

2.2. Lĩnh vực Y tế

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho trạm y tế xã và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn cung cấp dịch vụ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt...

- Khuyến khích triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối giữa cơ sở với bệnh viện tuyến trên giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí. Xây dựng mô hình “Bệnh viện thông minh”.

- Thực hiện quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn .

- Tổ chức triển khai nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên địa bàn huyện. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trên cơ sở nền tảng và kế hoạch triển khai của ngành Y tế.

- Tổ chức triển khai nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở, quản lý trạm y tế xã.

- Triển khai lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, đảm bảo mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân để hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Hồ sơ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

2.3. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai nền tảng dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình trong công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số, bảo đảm chất lượng cho việc thi cử trực tuyến.

- Ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy. Tạo cơ chế thí điểm các sản phẩm, dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Tổ chức triển khai và thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2.5. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

a) Thương mại

- Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại khu vực có tiềm năng phát triển: hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền trong cả nước.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân.

b) Công nghiệp và năng lượng

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng; phát triển điện lưới thông minh trên địa bàn.

- Triển khai mô hình sử dụng năng lượng trong sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.

2.6. Lĩnh vực Du lịch

- Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; phát động và thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ du lịch; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch.

- Tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước

đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch.

- Tổ chức triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sản phẩm giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

- Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về du lịch thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch tại các cơ sở đào tạo đại học trong ngành du lịch

- Áp dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, xây dựng website riêng để giới thiệu, quảng bá cho các điểm du lịch; xây dựng hệ thống kết nối giữa các điểm du lịch của xã và của huyện.

2.7. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.

- Ưu tiên phát triển nền tảng dữ liệu đất đai quốc gia, bản đồ số quốc gia, sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên môi trường cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn.

2.2. Các ngành, lĩnh vực khác

- Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyển đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; triển khai các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

- Tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh

ng nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính quyền; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.

III. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

- Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Quảng Trung, Triển khai đồng bộ về phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn.

- Tổ chức và triển khai hoạt động có hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng, để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên địa bàn xã.

2. Hợp tác trong nước và ngoài nước

- Phối hợp, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ số trên địa bàn phù hợp với nội dung Kế hoạch.

3. Nghiên cứu, phát triển

- Thúc đẩy ứng dụng các công nghệ số mới dữ liệu lớn phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, phù hợp với đặc trưng của từng ngành, từng lĩnh vực trên địa bàn.

4. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về phát triển kinh tế số, xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện quan trọng của xã.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông cơ sở. Phát triển các chuyên mục tư vấn, hỏi đáp về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

5. Bảo đảm kinh phí

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách (kinh phí chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Kế hoạch này. Trong đó:

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn.

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện nhiệm vụ: Tạo lập, cập

nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê thiết bị, dịch vụ.

- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức văn hóa xã hội, đài truyền thanh xã

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch; định kỳ hàng năm, trước ngày 10/12 tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã, phòng văn hóa Thông tin và Truyền thông kết quả triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, điểm b nội dung 1.2, điểm b nội dung 1.4, điểm b nội dung 1.8, nội dung 1.9 khoản 1 Mục II và các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.6 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng bảo tàng số, nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và nhân dân về nội dung Kế hoạch thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Công chức Tài chính; TC- Kế hoạch

- Tổng hợp, tham mưu về nguồn ngân sách chi thường xuyên, nguồn ngân sách chi đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai, thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp với Công chức Văn hoá và Thông tin thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 1.7 khoản 1 Mục II và các giải pháp tại khoản 3 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và

các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Công chức VH(Lao động - Thương binh và Xã hội)

- Thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.4 khoản 2 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục V.

- Chủ trì thực hiện các nội dung tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Các cơ quan Trường học

- Thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.3 khoản 2 Mục II; đôn đốc, phối hợp, hướng dẫn các trường học thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục V.

- Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Công chức Địa chính(Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.1 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.5 khoản 2 Mục II; thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số đối với nền tảng sàn thương mại điện tử.

- Thực hiện các giải pháp tại khoản 3 Mục III;

- Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Văn phòng HĐND và UBND

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.2 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng trạm y tế xã.

- Tổ chức, hướng dẫn, triển khai các nội dung tại mục 2.2 đến các cơ sở y tế khám chữa bệnh trên địa bàn xã.

- Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Công chức địa chính Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.7 khoản 2 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng bản đồ số.

- Thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Công an xã

- Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nền

tăng số quốc gia đối với nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp với phòng Văn hoá và Thông tin triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo đảm quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, xã hội số.

9. Đề nghị đoàn xã

Chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

Phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Phối hợp với các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội nghề nghiệp phát động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tích cực trong việc tham gia giám sát, phản biện chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế số, xã hội số; phối hợp với phòng Văn hoá

- Thông tin trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã.

11. Đề nghị các ngân hàng nhà nước Việt Nam

Tổ chức triển khai Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025; thực hiện nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả; tăng cường kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống khác để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

11. Đề nghị các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn

12. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; phối hợp tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, nghiêm túc triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

UBND huyện (Báo cáo);
Phòng VH Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
Chủ tịch, các PCT UBND xã;
Các cơ quan, đơn vị liên quan;
Các Thành viên BCĐ xã;
Lưu: VT, VHXX;

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thủy

PHỤ LỤC

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2023-2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUẢNG TRUNG**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND Xã Quảng Trung)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
A	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
I	Hoàn thiện các văn bản quy định pháp luật			
1	Rà soát, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực	VP HĐND&UBND,	VH&XH Các ban, ngành	Hàng năm
II	Phát triển hạ tầng			
1	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, khu phố, tổ dân cư; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số	VH&XH	UBND xã, Các doanh nghiệp viễn thông	2023 - 2025
III	Phát triển nền tảng số			
1	Đề xuất các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu thực tế tại địa phương; tích cực áp dụng nền số quốc gia vào hoạt động chuyển đổi số tại địa phương; Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số	VP HĐND&UBND,	VH&XH, Các ban, ngành	Hàng năm
2	Nghiên cứu, xây dựng các phương án, đề án thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia trong ngành, lĩnh vực trên địa bàn được giao quản lý.	VP HĐND&UBND, Các ban, ngành;	VH&XH	2023 - 2025
IV	Phát triển dữ liệu số			
1	Áp dụng các Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung tại xã	VP HĐND&UBND, VH&XH,	Các , ban, ngành ; VP HĐND&UBND,	2023 - 2025

V	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng			
1	Đảm bảo yêu cầu An toàn thông tin mạng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số	VP HĐND&UBND	VP HĐND&UBND, Các ban, ngành	Hàng năm
2	Tổ chức triển khai các dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	VP HĐND&UBND	VP HĐND&UBND, Các ban, ngành	2023 - 2025
VI	Phát triển nhân lực số			
1	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 53/KH-UBND, ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	VP HĐND&UBND Các Trường học; VH-XH, VP.UBN; Lao động, Thương binh và Xã hội;	Các ban, ngành	Hàng năm
VII	Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số			
1	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, số nâng cao cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ CNTT và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho học sinh trong các trường giáo dục phổ thông	VP HĐND&UBND,	VH&XH ,Các phòng, ban, ngành	Hàng năm
2	Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức và người lao động trong các doanh nghiệp, tiến tới toàn dân và có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số ở từng ngành, lĩnh vực, địa phương.	VP HĐND&UBND, Các Trường học; VH-XH,; Lao động, Thương binh và Xã hội;	Các cơ sở giáo dục đào tạo; các doanh nghiệp	2023 - 2025
3	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân.	VP HĐND&UBND, Các phòng, ban, ngành.	VH&XH	2023 - 2025

4	Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.	VP.HĐND&UBND,	VH&TT, Các phòng, ban, ngành Các Doanh nghiệp Viễn thông	2023 - 2025
VIII	Phát triển doanh nghiệp số			
1	Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.	TC-KH	Phòng VH-TT; Các ban, ngành, Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	2023 - 2025
2	Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn.	TC-KH;	Các ban, ngành.Các doanh nghiệp	2023 - 2025
3	Triển khai thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia.	Phòng TC-KH; VH&XH	Các phòng, ban, ngành huyện; UBND các xã, thị trấn.	2023 - 2025
IX	Phát triển thanh toán số			
1	Tổ chức triển khai Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.	Các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn	Các ban, ngành ; UBND xã.	2023-2025
X	Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương			
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương.	UBND xã, VP.UBND	VH&XH	2023
2	Tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương	Các phòng, ban, ngành; VP.UBND .	VH&XH	2023 - 2025

3	Tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, trên địa bàn.	VP.UBND .Các phòng, ban, ngành	VH&XH	2023 - 2025
4	Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, trên địa bàn	VP.UBND .Các phòng, ban, ngành UBND xã,	VH&XH	2023 - 2025
B	CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1	Tổ chức triển khai nhiệm vụ, tuyên truyền, hướng dẫn Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng thôn, tổ dân phố	VP. UBND xã	VH&XH	Hàng năm
2	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào huyện Quảng Xương	Các phòng, ban, ngành; UBND xã	VH&XH	2023 - 2025
3	Tổ chức các hội nghị phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện quan trọng của huyện	VP.UBND, Các ban, ngành	VH&XH	2023 - 2025
4	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.	VP. UBND, VH&XH Các ban, ngành	VH&XH, Các ban, ngành	2023 - 2025
5	Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này	VP. UBND, VH&XH Các ban, ngành	Các ban, ngành các doanh nghiệp.	2023 - 2025
6	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	TC-KH;	TC- KH	2023 - 2025
7	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này	TC-KH;	Các ban, ngành	2023 - 2025

	do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện			
8	Hướng dẫn, ưu tiên chi cho chuyển đổi số, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, phân đầu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của quốc gia.	TC-KH;	Các ban, ngành ; UBND xã.	2023 - 2025
9	Phối hợp đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.	VHXXH(LĐ,TB&XH)	VP. UBND, Các ban, ngành	2023 - 2025
10	Phối hợp đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số	VHXXH(LĐ,TB&XH)	VP. UBND, Các ban, ngành	2023 - 2025